TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-PT
Ngày: 24-7-2018
V/v "Kiện đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Trọng – Kiểm sát viên**.**

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLPT- DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: *"Kiện đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐ-PT ngày 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 67/2018/QĐ-PT ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bạch Thị L; cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Tuấn L1; cư trú tại thôn P, xã Ph, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của bà L (Văn bản ủy quyền số 1023 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ngô Văn Th công chứng ngày 18/10/2017), có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Văn P; bà Ngô Thị H; cùng cư trú tại thị trấn Đ huyện L, tỉnh Lâm Đồng, ông P vắng mặt, bà H có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Bà Nguyễn Thị H1, cư trú tại đường H, Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng luật sư Th - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1962 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Bạch Thị L và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Đào Tuấn L1 thì:

Do có quan hệ quen biết nên bà Bạch Thị L có cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Ngô Thị H vay tiền nhiều lần, cụ thể: ngày 18/12/2010 vay 377.500.000đ; ngày 22/12/2010 vay 300.000.000đ; ngày 30/01/2011 vay 352.000.000đ; các lần vay bà L đều giao tiền cho bà H và viết giấy vay nợ với nhau nhưng ông P không ký vì không có ở nhà. Tuy nhiên, số tiền này bà L cho bà H vay để chuộc sổ đất chung của ông P, bà H. Vì vậy nay bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn P, bà Ngô Thị H phải trả cho bà tổng số tiền là 1.029.500.000đ.

Theo bà Ngô Thị H thì xuất phát từ việc bà có cầm sổ đỏ cho ông Nguyễn Văn C nên ngày 22/12/2010 bà có vay của bà L số tiền 300.000.000đ để đưa cho ông C. Do bà Lg có mang tiền xuống trả cho ông C với số tiền là 280.000.000đ nên bà có ký nhận với bà L số tiền 300.000.000đ, trong đó 280.000.000đ tiền gốc và 20.000.000đ tiền lãi; đến ngày 30/01/2011 bà L cộng lãi vào thành 352.000.000đ và hai bên viết lại giấy nhận nợ, đối với số tiền 377.500.000đ ghi trong giấy vay tiền ngày 18/12/2010 thì bà không vay; nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 300.000.000đ vay ngày 22/12/2010 và 52.000.000đ tiền lãi, thành 352.000.000đ viết thành giấy ngày 30/01/2011 nhưng xin trả dần, ngoài ra bà khẳng định số tiền này không liên quan gì đến chồng bà.

Theo ông Trần Văn P trình bày thì việc giao dịch vay tiền giữa bà L và bà H vào các ngày 18/12/2010, 22/12/2010 và 30/01/2011 ông không biết và không ký giấy vay tiền, do trong thời gian này ông đang làm nghề lái xe thuê ở tỉnh Đắk Nông. Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền là 1.029.500.000đ thì ông không đồng ý vì ông không có liên quan đến việc vay số tiền nói trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị L về việc "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản" với bà Ngô Thị H.

Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Bạch Thị L số tiền là 1.029.500.000đ (một tỷ không trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về án phí và lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/5/2018 bà H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 352.000.000đ, đề nghị cấp phúc thẩm trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bị đơn trong tài liệu vay tiền ngày 18/12/2010 so với chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/01/2011 có cùng một thời điểm hay không. Yêu cầu Tòa án triệu tập nguyên đơn để đối chất và làm rõ số tiền vay.

Tại phiên tòa,

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho bà L 352.000.000đ, không đề nghị giám định đối với chữ ký, chữ viết của bị đơn trong tài liệu vay tiền ngày 18/12/2010 so với chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/01/2011.

Luật sư Nguyễn Thị H1 đề nghị đưa những người cho bà Lương vay tiền bao gồm ông Bạch Văn T1, bà Bạch Thị T2, ông Bạch Tiến D, bà Phạm Thị H2 vào tham gia tố tụng để làm rõ nguồn tiền mà bà Lương cho bà Hồng vay; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc bà Hồng cho rằng chỉ vay của bà Lương với số tiền 352.000.000đ nên chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Bạch Thị L và bà Ngô Thị H có có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Theo hồ sơ thể hiện thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ án vay tài sản đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Kiện đòi lại tài sản"* và giải quyết đối với số tiền gốc mà các bên giao dịch là phù hợp.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo hồ sơ thể hiện thì bà H vay tiền của bà L 03 lần; cụ thể như sau: ngày 18/12/2010 vay 377.500.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, ngày 22/12/2010 vay 300.000.000đ, thời hạn vay là 10 ngày, cả hai khoản vay này đều không thỏa thuận lãi suất và đều được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng xác nhận; ngày 30/01/2011 vay 352.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, không thỏa thuận lãi suất; được Văn phòng công chứng Th công chứng cùng ngày. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H đều thừa nhận bà có ký trong các giấy vay tiền nói trên.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà H thì thấy rằng ngoài việc chỉ chấp nhận trả 352.000.000đ, bà H còn yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bị đơn trong tài liệu vay tiền ngày 18/12/2010 so với chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/01/2011 có cùng một thời điểm hay không. Tuy nhiên tại Biên

bản làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/6/2018 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày không yêu cầu trưng cầu giám định nữa, xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên cần chấp nhận.

Đối với việc bà H cho rằng bà chỉ vay của bà L một lần vào ngày 22/12/2010 tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà L lại không thừa nhận, bên cạnh đó các giấy vay tiền nói trên thể hiện số tiền vay khác nhau, bà H cho rằng lần vay ngày 30/01/2011 là tính cộng gộp tiền lãi của số tiền vay 300.000.000đ vay ngày 22/12/2010 vào tiền gốc (lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày, từ ngày 22/12/2010 -> 30/01/2011 tính thành 38 ngày là 57.000.000đ, bà L cho lại 5.000.000đ nên còn 352.000.000đ), do sơ suất nên không thu lại giấy vay cũ nhưng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đối với khoản vay ngày 18/12/2010 bà H thừa nhận có ký nhưng không vay song cũng không đưa ra bất kỳ chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, trong thực tế bà H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thể ký giấy nhận nợ khi bản thân mình không có vay các khoản tiền này, ngoài ra các giấy vay nợ ngày 18/12/2010 và 22/12/2010 được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng chứng thực và giấy vay nợ ngày 30/01/2011 được Văn phòng công chứng Th (nay là là Văn phòng công chứng Ngô Văn Th) công chứng nên không thể cho rằng bà H nhầm lẫn khi ký giấy nợ được. Do vậy việc bà H có đơn kháng cáo cho rằng chỉ vay của bà L số tiền gốc 300.000.000đ là không có cơ sơ xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn P phải có trách nhiệm cùng với bà H trả nợ, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông P, bà H, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận phần yêu cầu này do khi vay ông P không chứng kiến và giao nhận, giấy vay nợ không có chữ ký của ông P, sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo nên không đề cập.

[5] Đối với quan điểm của Luật sư H1 cho rằng cần đưa ông Bạch Văn T1, bà Bạch Thị T2, ông Bạch Tiến D, bà Phạm Thị H2 (là những người mà bà L trình bày là cho bà L vay tiền) vào tham gia tố tụng để làm rõ nguồn tiền mà bà L cho bà H vay thì thấy rằng theo nội dung các Giấy vay tiền ngày 18/12/2010, 22/12/2010, 30/01/2011 thì chỉ có chữ ký và họ tên của bà L và bà H, những người vừa nêu không có liên quan đến việc vay tiền giữa bà L và bà H, giữa các người này và bà L cũng không có tranh chấp; việc bà L vay tiền của ông T1, bà T2, ông D, bà H2 (nếu có) là một quan hệ khác nên không cần thiết phải đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án do vậy quan điểm của Luật sư H là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Ngoài ra đây là tranh chấp xuất phát từ việc giữa các bên có giao dịch dân sự vay tài sản với nhau, do hết thời hiệu khởi kiện nên căn cứ vào quy định

tại điểm b mục 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi lại tài sản" là đúng đắn, tuy nhiên việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án là chưa chính xác bởi lẽ thời điểm các bên tham gia giao dịch vào năm 2010, 2011 lẽ ra cấp sơ thẩm cần áp dụng quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết nhưng tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm lại áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và căn cứ Điều 463 (quy định về Hợp đồng vay tài sản), Điều 466 (quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay) để giải quyết là chưa phù hợp, cần sửa lại phần này.

[7] *Về án phí:* quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà H nộp đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, xét đơn của bà H là hợp lệ nên cần giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H (42.885.000đ : 2 = 21.442.500đ), bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[8] Với những nhận định trên cần bác kháng cáo của bà Ngô Thị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị L về việc "Kiện đòi lại tài sản" với vợ chồng ông Trần Văn P, bà Ngô Thị H.

Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Bạch Thị L số tiền 1.029.500.000đ (một tỷ không trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: bà Ngô Thị H phải chịu 21.442.500đ án phí sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm, bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.442.500đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003254 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ Án phí phúc thẩm: bà Ngô Thị H phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000568 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch